



yīng xióng

英雄

Noun · hero

Example Sentences

tā shì yīng xióng

他是英雄。

He is a hero.

zài lì shǐ de guān jiàn shí kè zǒng xū yào yīng xióng tǐng shēn ér chū

在历史的关键时刻，总需要英雄挺身而出。

At critical moments in history, heroes are always needed to step forward.

xiāo fáng yuán shì jiù huǒ de yīng xióng

消防员是救火的英雄。

Firefighters are heroes who fight fires.

Trace each character, then write the word on your own.

英	英	英	英	英	英	英	英	英	英	英
雄	雄	雄	雄	雄	雄	雄	雄	雄	雄	雄
雄	雄	雄	雄							